

- a. Nhiệt kế.
- b. Nhiệt lượng.
- c. Nhiệt độ.

Câu 3. Dấu hiệu của trời có giông là.

- a. Gió làm cỏ cây đu đưa nước trong hồ đập dòn.
- b. Gió mạnh liên tiếp, kèm theo mưa to có gió xoáy có thể cuốn bay người và nhà cửa.
- c. Gió mạnh kèm theo mưa to.

Câu 4. Không khí bị ô nhiễm là :

- a. Không khí không có thành phần gây hại cho sức khỏe.
- b. Trong suốt , không màu , không mùi, không vị.
- c. Chứa nhiều khói bụi, có mùi hôi ảnh hưởng đến sức khỏe của con người, động vật...

Câu 5. Trong quá trình sống, động vật cần lấy vào cơ thể những gì?

- a. Khí ô xi, nước, các chất hữu cơ có trong thức ăn.
- b. Chất bột đường, chất béo, khí ô xi.
- c. Các vi ta min, đường, nước, các chất hữu cơ có trong thức ăn.

Câu 6. Những mối quan hệ về thức ăn trong tự nhiên được gọi là:

- a. Chuỗi kếp kín.
- b. Mối quan hệ tự nhiên.
- c. Chuỗi thức ăn

Câu 7. Trong chăn nuôi người ta làm gì để kích thích cho gà ăn nhiều, chóng tăng cân và đẻ nhiều trứng?

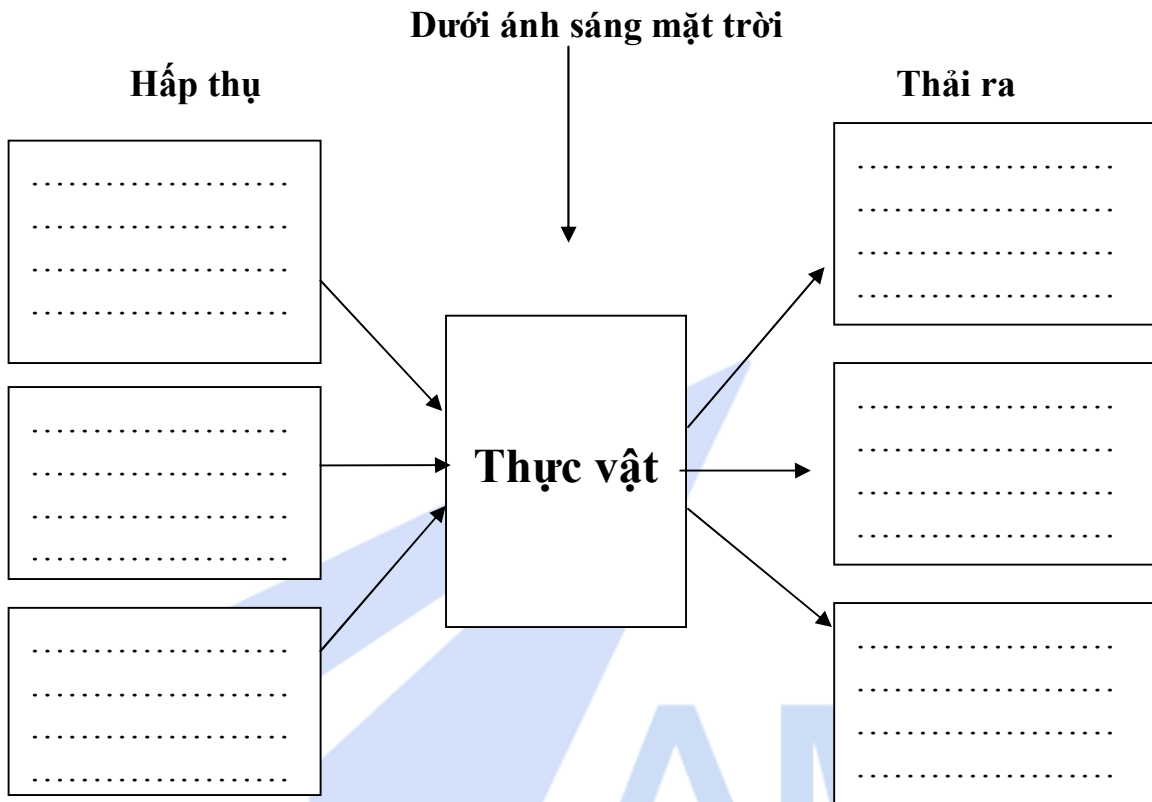
- a. Tăng nhiệt độ.
- b. Tăng khí ô xi.
- c. Tăng thời gian chiếu sáng.

Câu 8. Trong tự nhiên chuỗi thức ăn được bắt đầu từ đâu?

- a. Thực vật.
- b. Động vật.
- c. Con người.

Câu 9: Cho vào cốc nước nóng một thìa bằng kim loại và một thìa bằng nhựa, một lúc sau em thấy thìa nào nóng hơn? Vì sao?

Câu 10: Viết vào chỗ trống để hoàn thành “Sơ đồ trao đổi thức ăn ở thực vật” dưới đây:



Trường TH Vĩnh Trung 4.

Họ và tên:.....

Lớp: 4.....

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ II

Năm học: 2016 – 2017

Môn: LỊCH SỬ-ĐỊA LÍ (40 phút)

Giám thị 1:.....	Giám khảo 1:.....	Điểm:.....
Giám thị 2:.....	Giám khảo 2:.....	Bằng chữ:.....

I. PHẦN LỊCH SỬ:

Câu 1. Lê Lợi lên ngôi hoàng đế mở đầu thời Hậu Lê năm :

a. Năm 1429

b. Năm 1428

c. Năm 1328

Câu 2. Cuộc xung đột giữa hai tập đoàn phong kiến Trịnh-Nguyễn đã gây hậu quả gì?

a. Tăng cường thế mạnh của họ Trịnh.

b. Tăng cường thế mạnh của họ Nguyễn.

c. Làm cho đất nước bị chia cắt, cuộc sống nhân dân cực khổ trăm bề.

Câu 3. Do đâu nhà Hồ không chống nổi quân Minh xâm lược :

a. Hồ Quý Ly chưa thu phục được lòng dân mà chỉ dựa vào quân đội.

b. Hồ Quý Ly sợ quân Minh, quân Minh quá hung dữ.

c. Hồ Quý Ly đoàn kết cùng nhân dân đánh giặc.

Câu 4. Nghe tin quân Thanh sang xâm lược nước ta Nguyễn Huệ đã làm gì?

a. Kéo quân ra Bắc đánh đuổi quân Thanh.

b. Tập hợp quân lính, chia thành 5 đạo quân, tiến ra Bắc đánh quân Thanh.

c. Lên Ngõ Hoàng Đế lấy hiệu là quang Trung và lập tức tiến quân ra Bắc đánh quân Thanh.

Câu 5. Cuộc khẩn hoang ở Đàng Trong đã có ý nghĩa như thế nào đối với nước ta lúc bấy giờ?

II. PHẦN ĐỊA LÍ:

Câu 1. Các dân tộc sống chủ yếu ở đồng bằng Nam Bộ là:

a. Người Dao, Kinh, Hoa, Chăm.

b. Người Tày, Kinh, Chăm, Hoa.

c. Người Kinh, Khơ me, Chăm, Hoa.

Câu 2. Đảo là:

a. Là bộ phận đất nổi, xung quanh có nước biển và đại dương bao bọc.

b. Là vùng đất nổi cao trên mặt đất

c. Là núi đá nằm giữa biển

Câu 3. Vào mùa hạ khí hậu ở đồng bằng miền Trung như thế nào ?

a. Ít mưa mực nước sông hạ thấp, sông bị thâm nhập mặn.

b. Ít mưa, không khí khô, nóng làm đồng ruộng nứt nẻ, sông hồ cạn nước.

c. Mưa lớn, nước sông dâng cao gây lũ lụt

Câu 4. Điểm khác biệt giữa thành phố Cần Thơ và thành phố Hồ Chí Minh là:

a. Có rung tâm kinh tế quan trọng.

b. Có trường đại học và cao đẳng.

c. Có chợ nổi trên sông và vườn cò.

Câu 5. Biển có vai trò gì trong cuộc sống của con người.

.....

.....

.....

.....

.....

.....



**HƯỚNG DẪN CHẤM ĐIỂM KIỂM TRA
MÔN: TOÁN**

Câu 1: 0.5 điểm C. 2718

Câu 2: 0,5 điểm C. 400

Câu 3: 0.5 điểm C. $\frac{1}{4}$

Câu 4: 1 điểm B. 322

Câu 5: 1 điểm

a) 0.5 điểm A. 10025

b) 0.5 điểm D. 195

Câu 6. 2 điểm

$$a) \frac{2}{5} + \frac{3}{4} = \frac{8}{20} + \frac{15}{20} = \frac{23}{20} \quad (0.5 \text{ điểm})$$

$$b) \frac{2}{3} - \frac{3}{8} = \frac{16}{24} - \frac{9}{24} = \frac{7}{24} \quad (0.5 \text{ điểm})$$

$$c) \frac{3}{7} \times \frac{4}{5} = \frac{3 \times 4}{7 \times 5} = \frac{12}{35} \quad (0.5 \text{ điểm})$$

$$d) \frac{2}{5} : \frac{2}{3} = \frac{2}{5} \times \frac{3}{2} = \frac{6}{10} = \frac{3}{5} \quad (0.5 \text{ điểm})$$

Câu 7: 1 điểm

$$a) 5 \times 36 \times 2 = (5 \times 2) \times 36 \\ = 10 \times 36 \\ = 360 \quad (0.5 \text{ điểm})$$

$$b) 127 + 1 + 73 + 39 = (127 + 73) + (1 + 39) \\ = 200 + 40 \\ = 240 \quad (0.5 \text{ điểm})$$

Câu 8: 0,5 điểm

a. Đoạn thẳng AB song song với đoạn thẳng DE (0.25 điểm)

b. Đoạn thẳng ED vuông góc với đoạn thẳng DC (0.25 điểm)

Câu 9: 2 điểm

Bài giải:

Chiều rộng của thửa ruộng hình chữ nhật là: (0,25 điểm)

$$36 : 6 \times 4 = 24 \text{ (m)} \quad (0,25 \text{ điểm})$$

a. Chu vi thửa ruộng hình chữ nhật là: (0,25 điểm)

$$(36 + 24) \times 2 = 120 \text{ (m)} \quad (0,25 \text{ điểm})$$

b. Diện tích của thửa ruộng hình chữ nhật là: (0,25 điểm)

$$36 \times 24 = 864 \text{ (m}^2\text{)} \quad (0,5 \text{ điểm})$$

Đáp số: a. 24m (0,25 điểm)

b. 864 m²

Câu 10: 1 điểm

Bài giải

Số bé:   } 30 (0,25 điểm)

Số lớn:  } 30 (0,25 điểm)

Tổng số phần bằng nhau là:

$$1 + 2 = 3 \text{ (phần)} \quad (0,25 \text{ điểm})$$

$$\text{Số bé là: } 30 : 3 = 10 \quad (0, 25 \text{ điểm})$$

$$\text{Số lớn là: } 10 \times 2 = 20$$

Đáp số: Số bé 10; Số lớn 20 (0,25 điểm)

HƯỚNG DẪN CÁCH CHĂM MÔN TIẾNG VIỆT

A. Kiểm tra đọc: (Đề 1)

I. Phần ĐT (7 điểm)

Đọc thầm khoanh tròn chữ cái trước ý trả lời đúng nhất .

Câu 1 : b. Cam-pu-chia (0,5 điểm)

Câu 2 : a. Gồm ba tầng (0,5 điểm)

Câu 3 : c. Dụng bằng đá ong và bọc ngoài bằng đá nhẵn (0,5 điểm)

Câu 4 : a. Hướng tây (0,5 điểm)

Câu 5 : c. 398 gian phòng (0,5 điểm)

Câu 6 : b . *Tham quan* (0,5 điểm)

Câu 7 : b . *Bạn ơi, cho tớ mượn cái bút* (0,5 điểm)

Câu 8 : b . *Trong vườn* (0,5 điểm)

Câu 9: Một ngày đi là một ngày thêm hiểu biết, học được nhiều điều hay. (1.5điểm)

Câu 10: trạng ngữ: *Xa xa*, ; chủ ngữ: *đàn bò*; vị ngữ: *đang gặm cỏ* (1,5 điểm);

II. Phần kiểm tra ĐTT (3 điểm)

+ Đọc đúng tiếng, đúng từ (1 điểm).

(Đọc sai từ 2 đến 4 tiếng: 0,5 điểm; đọc sai quá 5 tiếng: 0 điểm).

+ Ngắt hơi đúng các câu, các cụm từ rõ nghĩa: 0,5 điểm.

(Ngắt hơi sai từ 2 đến 3 chỗ: 0,25 điểm; ngắt hơi sai quá 4 chỗ: 0 điểm).

+ Giọng đọc có biểu cảm: (0,5điểm).

(Chưa biểu cảm: 0 điểm).

+ Tốc độ đọc khoảng 115 chữ /1 phút: 1 điểm.

(Đọc trên 1 phút: 0,5 điểm; 2 phút: 0 điểm).

B. Phần kiểm tra viết:

A. Chính tả : (2 điểm)

Bài viết không mắc lỗi chính tả, chữ viết rõ ràng trình bày đúng đoạn văn (2đ)

Mỗi 5 lỗi chính tả trong bài viết (sai, lẫn phụ âm đầu hoặc vần, thanh không viết hoa đúng quy định) trừ (1 điểm).

Nếu chữ viết không rõ ràng sai về độ cao, khoảng cách, kiểu chữ hoặc trình bày bản,... bị trừ 0,5 điểm toàn bài.

B. Tập làm văn: (8điểm)

- Đảm bảo các yêu cầu sau, được (8 điểm).

+ Viết được bài văn tả con vật nuôi mà em yêu thích đủ các phần mở bài, thân bài, kết bài đúng yêu cầu, độ dài bài viết từ 12 câu trở lên .

+ Viết câu đúng ngữ pháp, dùng từ đúng, không mắc lỗi chính tả .

+ Chữ viết rõ ràng, trình bày bài viết sạch sẽ

- Tùy theo mức độ sai sót về ý, về diễn đạt và chữ viết, có thể cho các mức điểm: 7,5 - 0,5.

Bài Đọc thành tiếng

Tổ chức cho HS bốc thăm đọc một đoạn trong các bài tập đọc sau :

a/ Đường đi Sa Pa

(SGK TV 4, tập 2 - trang 102).

b/ Hơn một nghìn ngày vòng quanh trái đất

(SGK TV 4, tập 2 - trang 114).

c/ Ăng-co Vát (SGK TV 4, tập 2 - trang 123).

d/ Con chuồn chuồn nước (SGK TV 4, tập 2 - trang 123).

e/ Vương quốc vắng nụ cười (SGK TV 4, tập 2 - trang 132).

Bài Đọc thành tiếng

Tổ chức cho HS bốc thăm đọc một đoạn trong các bài tập đọc sau :

a/ Đường đi Sa Pa (SGK TV 4, tập 2 - trang 102).

b/ Hơn một nghìn ngày vòng quanh trái đất (SGK TV 4, tập 2 - trang 114).

c/ Ăng-co Vát (SGK TV 4, tập 2 - trang 123).

d/ Con chuồn chuồn nước (SGK TV 4, tập 2 - trang 123).

e/ Vương quốc vắng nụ cười (SGK TV 4, tập 2 - trang 132).

Bài Đọc thành tiếng

Tổ chức cho HS bốc thăm đọc một đoạn trong các bài tập đọc sau :

a/ Đường đi Sa Pa (SGK TV 4, tập 2 - trang 102).

b/ Hơn một nghìn ngày vòng quanh trái đất (SGK TV 4, tập 2 - trang 114).

c/ Ăng-co Vát (SGK TV 4, tập 2 - trang 123).

d/ Con chuồn chuồn nước (SGK TV 4, tập 2 - trang 123).

e/ Vương quốc vắng nụ cười (SGK TV 4, tập 2 - trang 132).

Bài viết chính tả

Đường đi Sa Pa